

Số: /TB-BDT

Đắk Nông, ngày tháng 02 năm 2022

**THÔNG BÁO**  
**Về việc giảm dự toán do thu hồi năm 2021 của Ban Dân tộc tỉnh**

Căn cứ Quyết định số 1858/QĐ-UBND, ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2021; Quyết định số 115/QĐ-UBND, ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc chủ trương và bổ sung dự toán kinh phí mua xe ô tô cho các cơ quan, đơn vị và các huyện và Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc bổ sung dự toán năm 2021 cho các cơ quan, đơn vị.

Căn cứ Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc thu hồi dự toán không sử dụng hết của các cơ quan, đơn vị.

Căn cứ Quyết định số 947/QĐ-BDT ngày 25/12/2020 của Ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông về việc giao nhiệm vụ thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 2021; Quyết định số 553/QĐ-BDT ngày 30/7/2021 của Trưởng ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

Thực hiện Quyết định số 159/QĐ-BDT ngày 21/02/2022 về việc điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021. Trong đó, Ban Dân tộc tỉnh được thông báo thu hồi dự toán không sử dụng hết năm 2021 là 770.100.000 đồng (*Chi tiết có Phụ lục đính kèm*).

Trên đây là Thông báo về việc giảm dự toán kinh phí của Ban Dân tộc tỉnh do thu hồi dự toán không sử dụng hết năm 2021./.

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng thuộc Ban;
- Đăng lên trang TTĐT BDT;
- Lưu: VT, KT.

**TRƯỞNG BAN**

**Phan Đình Hiến**

**PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH GIÁM DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN DO THU HỒI NĂM 2021**

(Kèm theo Thông báo số:

ngày

tháng 02 năm 2022 của Ban Dân tộc tỉnh)

STT	Nội dung	Kinh phí đầu năm	Số tiền đã sử dụng	Tiết kiệm chi thường xuyên còn lại	Thu hồi dự toán	Kinh phí còn lại
1	2	3	4	5	6	7=3-4-5-6
<b>A</b>	<b>Kinh phí tự chủ</b>	<b>2.981.000.000</b>	<b>2.936.900.000</b>	<b>20.000.000</b>	<b>24.100.000</b>	<b>0</b>
1	Lương và các khoản theo lương	2.488.000.000	2.488.000.000			0
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn và chi khác	456.000.000	411.900.000	20.000.000	24.100.000	0
3	Quỹ thi đua khen thưởng	30.000.000	30.000.000			0
4	Kinh phí may trang phục thanh tra	7.000.000	7.000.000			0
5	Kinh phí cải cách tiền lương					
<b>B</b>	<b>Kinh phí không thực hiện tự chủ</b>	<b>2.420.000.000</b>	<b>1.813.125.400</b>	<b>22.000.000</b>	<b>584.000.000</b>	<b>874.600</b>
1	Kinh phí thực hiện đề án tảo hôn và HNCHT	108.000.000	106.000.000	2.000.000		0
2	Kinh phí thực hiện chiến lược công tác dân tộc 1617	45.000.000	0	4.000.000	41.000.000	0
3	Kinh phí thực hiện chính sách người có uy tín	877.000.000	452.000.000		425.000.000	0
4	Kinh phí BCD Chính sách dân tộc	45.000.000	42.000.000	3.000.000		0
5	Kinh phí thăm, tặng quà học sinh dân tộc tại trường Đại học dự bị Nha Trang	18.000.000		2.000.000	16.000.000	0
6	Kinh phí thực hiện Đề án bình đẳng giới	81.000.000		8.000.000	73.000.000	0
7	Kinh phí điều tra, thu thập thông tin thực trạng 53 DT	27.000.000		3.000.000	24.000.000	0
8	Kinh phí mua xe ô tô	1.219.000.000	1.213.125.400		5.000.000	874.600
<b>C</b>	<b>Đào tạo sự nghiệp, đào tạo nghề</b>	<b>196.000.000</b>	<b>12.000.000</b>	<b>20.000.000</b>	<b>162.000.000</b>	<b>2.000.000</b>
1	Kinh phí đào tạo CBCC	16.000.000	12.000.000	2.000.000		2.000.000
2	Kinh phí thực hiện đề án Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	180.000.000		18.000.000	162.000.000	0
	<b>Tổng cộng: A+B+C</b>	<b>5.597.000.000</b>	<b>4.762.025.400</b>	<b>62.000.000</b>	<b>770.100.000</b>	<b>2.874.600</b>